TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN W** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 5 - 2024
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYÊNH W TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024; về việc "*Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Mã Thị G, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 10, ấp Q, xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 12, ấp Q, xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Mã Thị G trình bày: Nguyên năm 1985, bà Mã Thị G với ông Nguyễn Tấn K xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không đăng lý kết hôn. Sau đám cưới bà Mã Thị G cùng ông Nguyễn Tấn K sinh sống tại ấp Q, xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống bà Mã Thị G và ông Nguyễn Tấn K có hai người con chung là Nguyễn Đăng F, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Thanh Y, sinh năm 1992, hiện đã trưởng thành. Không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có người khác nợ vợ chồng. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc,

nhưng thời gian sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cải vã và bất đồng trong cuộc sống nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay.

Nay bà Mã Thị G nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mã Thị G xin được ly hôn với ông Nguyễn Tấn K.

- Về con chung: Nguyễn Đăng F, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Thanh Y, sinh năm 1992 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Nguyễn Tấn K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án só 27/2024/TB-TLVA ngày 29/01/2024 và Thông báo (Về việc yêu cầu đương sự tự khai và cung cấp chứng cứ) số 08/2024/TB-TLVA ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng (nhận ngày 30/01/2024) nên ông Nguyễn Tấn K cũng đã biết nội dung, căn cứ khởi kiện và những vấn đề bà Mã Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng ông Nguyễn Tấn K không có văn bản trả lời theo Toà án ấn định. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không tham gia.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin vắng mặt và không có ý kiến khác nên xem như giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] <u>Về tố tụng</u>:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Mã Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông Nguyễn Tấn K; con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi), tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp "*Ly hôn"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án bị đơn Nguyễn Tấn K cư trú tại số 12, ấp Q, xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Toà án nhân dân huyện

W, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Mã Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Nguyễn Tấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] <u>Về nội dung</u>:

[1] Nguyên đơn Mã Thị G và bị đơn Nguyễn Tấn K chung sống với nhau từ năm 1985 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, không đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc và đã có con chung; theo bà Mã Thị G trong thời gian chung sống sau này vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cải vã và bất đồng trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân lạnh nhạt, không còn chung sống vợ chồng từ tháng 6 năm 2023, nay nguyên đơn Guối xin được ly hôn với bị đơn Giữ. Bị đơn Nguyễn Tấn K tuy không có ý kiến và không tham gia tố tụng nhưng biết về nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn mà không phản đối.

[2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 "*Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết*"; điểm a mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội "*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000*" và quy định tại điểm d, Mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC–BTP ngày 03/01/2001 "*được coi nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng, nếu họ có đủ điều kiện để kết hôn theo quy định… và… có tổ chức lễ cưới… được gia đình một bên hoặc cả hai bên chấp nhận;… Họ thực sự có chung sống với nhau, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình*". Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Mã Thị G và bị đơn Nguyễn Tấn K được xác lập trước ngày 03/01/1987 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc; có tổ chức lễ cưới, được gia đình cha mẹ hai bên chấp nhận, thực sự chung sống với nhau như vợ chồng và đã có con chung; việc chung sống như vợ chồng đã thỏa mãn các điều kiện theo quy định trên nên được công nhận là quan hệ hôn nhân thực tế, hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và được giải quyết theo thủ tục, quy định về ly hôn.

[3] Tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình "*Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn...; Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật hôn nhân và gia đình...*" và theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*". Do đó, bà Mã Thị G hoặc bà Mã Thị G cùng ông Nguyễn Tấn K có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên ngày 25/01/2024 bà Mã Thị G tự mình gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Tấn K là

phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Theo nguyên đơn Mã Thị G thì trong thời gian chung sống sau này vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cải vã và bất đồng trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân lạnh nhạt, không còn chung sống vợ chồng từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, thời gian bà Mã Thị G và ông Nguyễn Tấn K không còn chung sống vợ chồng tính đến thời điểm khởi kiện và xét xử sơ thẩm là đã gần năm và mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trong thời gian chung sống cũng đã kéo dài, đến mức trầm trọng, làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, tình cảm vợ chồng thật sự đã hết và về tương lai cũng không thể hàn gắn được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các bên và đến việc nuôi dạy con cái, nay bà Mã Thị G cương quyết ly hôn với ông Nguyễn Tấn K. Do đó, theo bà Mã Thị G yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Tấn K là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp.

[5] Về con chung, Nguyễn Đăng F, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Thanh Y, sinh năm 1992 đã trưởng thành (trên 18 tuổi), các con không thuộc trường hợp qui định tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại, theo bà Mã Thị G xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh và tranh chấp thì sẽ khởi kiện, giải quyết theo quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[8] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mã Thị G.

- Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý cho bà Mã Thị G và ông Nguyễn Tấn K được ly hôn.

- Về con chung: Nguyễn Đăng F, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Thanh Y, sinh năm 1992 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại: Theo bà Mã Thị G không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Mã Thị G phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000214 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Mã Thị G đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hùng Nuôi